TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 425/2022/HNGĐ-ST;
Ngày: 23-12-2022.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Thắng.

Ông Nguyễn Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị An T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ngô Nam T1, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị T xin vắng mặt và anh T1 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị An T trình bày:*

Chị và anh Ngô Nam T1 cưới nhau vào năm 2006, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T1 có tình cảm với người phụ nữ khác chị

khuyên can anh T1 nhiều năm nhưng không được, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, anh T1 đánh vợ con nhiều lần. Anh chị ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Ngô Nam T1.

Về con chung: Có 02 con tên Ngô Nam Trung T2, sinh ngày 25/3/2005 và Ngô Thụy Thu T3, sinh ngày 13/9/2010, hiện tại hai con sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T2, cháu T3 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Ngô Nam T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị An T về yêu cầu ly hôn, về yêu cầu nuôi con.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị An T yêu cầu ly hôn với anh Ngô Nam T1, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Lê Thị An T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Ngô Nam T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị An T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị An T và anh Ngô Nam T1 cưới nhau năm 2006, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn với anh T1 với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T1 có tình cảm với người phụ nữ khác chị T khuyên can anh T1 nhiều năm nhưng không được, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, anh T1 đánh vợ con nhiều lần, chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Chị T xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T1; phía anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh T1 không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị An T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Ngô Nam Trung T2, sinh ngày 25/3/2005 và Ngô Thụy Thu T3, sinh ngày 13/9/2010 của chị Tiêm, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T2, cháu T3 đang sống với chị T đã ổn định về chổ ở, về tâm lí, về điều kiện sinh hoạt và học tập đồng thời cháu T2, cháu T3 có nguyện vọng muốn được sống với chị T. Phía anh T1 không có văn bản ý kiến trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cho thấy anh T1 đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T2, cháu T3 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị An T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị An T.

Về tình cảm: Chị Lê Thị An T được ly hôn với anh Ngô Nam T1.

Về con chung: Giao cháu Ngô Nam Trung T2, sinh ngày 25/3/2005 và Ngô Thụy Thu T3, sinh ngày 13/9/2010 cho chị Lê Thị An T nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2, cháu T3 đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Ngô Nam T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Lê Thị An T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026600 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân